



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00061

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản
chứng nhận sản phẩm nguyên liệu dùng sản xuất thức ăn thủy sản
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : SQUID LIVER POWDER (Bột gan mực)
Số lượng/ khối lượng : 4.000 bao/100.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Qingdao XinHaiYaYuan Bio-Technology Co, Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : TMA250820 ngày 20/8/2025
Hóa đơn số : TMA251205 ngày 05/12/2025
Vận đơn số : SITTAGDA572557QD
Ngày sản xuất : 28/11/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : 10734/HQ-GDK-TTKN ngày 22/12/2025
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043437)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÍN MỸ AN
Địa chỉ: 402/45/17A Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thạnh
Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và sửa đổi 1:2021
QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 94 /QĐ-TTKN

Ngày 09 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trà Thanh Tùng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 229/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II.

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Lô số 6, Đường số 2, Khu 30 Bắc Sơn, Tổ 7 Thanh Hải, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đinh Thị Thu Thùy

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi zipper.

Mã số mẫu/Sample code : 0192601072

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 05/01/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
SQUID LIVER POWDER (Bột gan mực) (BNNPTNT29250043437)	Asen tổng số (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	AOAC 986.15
	Chì (Pb) (**)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	AOAC 986.15
	Cadimi (Cd) (**)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,20	AOAC 986.15
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 08/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.